

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK LẮK Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **131/2025/HS-PT**

Ngày: 18 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị My My

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Quyết Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 127/2025/ TLPT-HS, ngày 28/4/2025, đối với bị cáo Trần Thị T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị T1, Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2025/HS-ST ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị cáo có kháng cáo:** **Trần Thị T**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1967 tại tỉnh Hưng Yên. Nơi cư trú: Buôn YL, xã ĐL, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc T2 (đã chết) và bà Phạm Thị H1 (đã chết); có chồng là Trần Trung T3 và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án; tiền sự: không.

Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Tô Thị T1, sinh năm 1969. Trú tại: Thôn HB3, xã ĐL, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bà Tô Thị L, sinh năm 1973. Trú tại: Thôn HB3, xã ĐL, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966. Trú tại: Thôn HB3, xã ĐL, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Tô Thị T1, bà Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H:**

- Ông Trần Cao T4, sinh năm 1960, có mặt;
- Ông Lê Xuân Anh P, sinh năm 1977, vắng mặt;
- Bà Trần Thị C, sinh năm 1991, có mặt;

Là luật sư thuộc Công Ty TNHH MTV T. Địa chỉ: 97 đường P, phường TC, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người kháng cáo:** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị T1, bà Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị T thấy nhiều người có nhu cầu vay tiền để đầu tư, tiêu dùng nên T đã nảy sinh ý định và thực hiện hành vi cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao để thu lợi. Bằng cách thức người vay tiền sẽ liên lạc và trực tiếp đến nhà T để vay bằng tiền mặt, khi vay tiền viết giấy vay nợ và không yêu cầu người vay thế chấp tài sản gì. Tùy thuộc vào mối quan hệ quen biết T và người vay thỏa thuận lãi suất trong khoảng từ 127,75%/năm đến 365%/năm. Đến hạn trả nợ theo thỏa thuận, T yêu cầu người vay đến nhà riêng tại buôn YL, xã ĐL, huyện L, tỉnh Đắk Lắk để trả tiền tính tiền lãi, trường hợp người vay chưa trả được tiền gốc và tiền lãi thì T sẽ cộng với số tiền lãi phát sinh vào số tiền gốc ban đầu đã cho vay và tính thành khoản vay tiền gốc mới rồi tiếp tục tính lãi.

Trong thời gian từ năm 2021 đến tháng 6 năm 2024, Trần Thị T đã cho 03 người vay tiền với lãi suất cao, cụ thể như sau:

Người vay thứ nhất: Bà Tô Thị T1 vay tiền của Trần Thị T 12 lần (tính cả lần vay thực tế và lần vay do cộng tiền gốc và tiền lãi chưa trả), cụ thể:

Lần 1: Ngày 04/10/2021 (ngày 28/8/2021 âm lịch), (sau đây chỉ ghi ngày dương lịch tương ứng với ngày âm lịch ghi trong các giấy vay tiền và ngày trả tiền), Trần Thị T cho bà Tô Thị T1 vay số tiền (sau đây viết tắt là vay) 82.000.000 đồng (*Tám mươi hai triệu đồng*), lãi suất thỏa thuận là 3.500 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương mức lãi suất 127,75%/01 năm, gấp 6,388 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Đến ngày 10/9/2022, T với bà T1 thỏa thuận tính số tiền lãi bà T1 phải trả là: 347 ngày x 287.000 đồng/ 01 ngày = 99.589.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 15.591.233 đồng.

Lần 2: Ngày 22/12/2021 vay 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3.500 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương mức lãi suất 127,75%/01 năm, gấp 6,388 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Đến ngày 10/9/2022, T với bà T1 thỏa thuận tính số tiền lãi bà T1 phải trả là: $266 \text{ ngày} \times 175.000 \text{ đồng/1 ngày} = 46.550.000 \text{ đồng}$, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 7.287.671 đồng.

Trong lần tính tiền lãi vào ngày 10/9/2022, T chốt tổng số tiền lãi của khoản vay lần 1 và lần 2 bà T1 phải trả là: 146.139.000 đồng, nhưng thỏa thuận trừ 139.000 đồng để làm tròn số tiền là 146.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc mà T đã cho bà T1 vay trong lần 1 và lần 2 là 132.000.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 22.878.904 đồng, tổng số tiền lãi mà bà T1 phải trả là 146.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là $146.000.000 \text{ đồng} - 22.878.904 \text{ đồng} = 123.121.096 \text{ đồng}$. Đối với 02 khoản vay này bà T1 chưa trả gốc và lãi cho T.

Lần 3: Cùng ngày 10/9/2022, T thỏa thuận với bà T1 cộng tiền gốc và tiền lãi của 02 khoản vay thành một khoản vay mới với tổng số tiền là 278.000.000 đồng (gồm tiền gốc 132.000.000 đồng + 146.000.000 đồng tiền lãi), lãi suất thỏa thuận là 3.500 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương mức lãi suất 127,75%/01 năm, gấp 6,388 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Đến ngày 06/01/2023, T tính số tiền lãi bà T1 phải trả là: $120 \text{ ngày} \times 973.000 \text{ đồng/1 ngày} = 116.760.000 \text{ đồng}$ tiền lãi.

Như vậy, số tiền gốc mà T cho bà T1 vay lần 3 là 278.000.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 18.279.452 đồng, tổng số tiền lãi buộc bà T1 phải trả là 116.760.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là $116.760.000 \text{ đồng} - 18.279.452 \text{ đồng} = 98.480.548 \text{ đồng}$. Khoản vay này bà T1 chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho T.

Lần 4: Ngày 04/05/2022 vay 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 146%/01 năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Khoản vay này bà T1 đã trả tiền lãi đến ngày 29/06/2022, nhưng không ghi lại số tiền đã trả, tính theo số ngày vay thực tế là $56 \text{ ngày} \times 120.000 \text{ đồng/1 ngày} = 6.720.000 \text{ đồng}$, xác định khoản vay này bà T1 đã trả lãi là 6.720.000 đồng.

Đến ngày 23/12/2022, T tính tiền lãi bà T1 phải trả là $180 \text{ ngày} \times 120.000 \text{ đồng/1 ngày} = 21.600.000 \text{ đồng}$.

Đến ngày 06/01/2023, T tính tiền lãi bà T1 phải trả là $15 \text{ ngày} \times 120.000 \text{ đồng/1 ngày} = 1.800.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền gốc mà T đã cho bà T1 vay trong lần 4 là 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 251 ngày, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 4.126.027 đồng, số tiền lãi T tính và bà T1 phải trả là 30.120.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là $30.120.000 \text{ đồng} - 4.126.027 \text{ đồng} = 25.993.973 \text{ đồng}$. Khoản vay này bà T1 đã trả 6.720.000 đồng tiền lãi cho T.

Lần 5: Ngày 31/5/2022 vay 20.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng mức lãi suất 182,5%/01 năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Khoản vay này bà T1 đã trả tiền lãi đến ngày 30/06/2022, nhưng không ghi cụ thể, tính theo số ngày vay 30 ngày x 100.000 đồng/1 ngày = 3.000.000đ.

Đến ngày 23/12/2022, T tính tiền lãi bà T1 phải trả là: 179 ngày x 100.000 đồng/1 ngày = 17.900.000 đồng.

Đến ngày 06/01/2023, T tính tiền lãi bà T1 phải trả là: 15 ngày x 100.000 đồng/1 ngày = 1.500.000 đồng.

Như vậy, số tiền gốc mà T đã cho bà T1 vay trong lần 5 là 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 224 ngày, tiền lãi theo mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.454.794 đồng; tiền lãi mà T đã tính và bà T1 phải trả là 22.400.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 22.400.000 đồng – 2.454.794 đồng = 19.945.206 đồng.

Lần 6: Ngày 29/06/2022, vay 30.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận là 6.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 219%/01 năm, gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự.

Đến ngày 23/12/2022, T tính tiền lãi bà T1 phải trả là: 180 ngày x 180.000 đồng/01 ngày = 32.400.000 đồng.

Đến ngày 06/01/2023, T tính tiền lãi bà T1 phải trả là: 15 ngày x 180.000 đồng = 2.700.000 đồng.

Như vậy, số tiền gốc mà T cho bà T1 vay trong lần 6 là 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 195 ngày, tiền lãi theo mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 3.205.479 đồng. Số tiền lãi mà T đã tính và bà T1 phải trả là 35.100.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 35.100.000 đồng – 3.205.479 đồng = 31.894.521 đồng.

Lần 7: Ngày 25/09/2022, vay 30.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận là 6.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 219%/01 năm, gấp 10,95 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự

Đến ngày 23/12/2022, T tính tiền lãi bà T1 phải trả là: 121 ngày x 180.000 đồng/1 ngày = 21.780.000 đồng.

Đến ngày 06/01/2023, T tính tiền lãi bà T1 phải trả là: 15 ngày x 180.000 đồng/1 ngày = 2.700.000 đồng.

Như vậy, số tiền gốc mà T đã cho bà T1 vay trong lần 7 là 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 136 ngày, tiền lãi theo mức lãi suất vay cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự là 2.235.616 đồng, Số tiền lãi mà T đã tính và bà T1 phải trả là 24.480.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 24.480.000 đồng – 2.235.616 đồng = 22.244.374 đồng.

Ngày 23/12/2022, T và bà T1 thỏa thuận tính tổng số tiền lãi của 04 khoản vay lần 4, lần 5, lần 6 và lần 7 là: 93.680.000 đồng, trừ đi tổng số tiền lãi bà T1 đã trả trước trong 05 lần là **21.700.000 đồng** (cụ thể: ngày 16/07/2022 trả 3.700.000 đồng;

ngày 20/08/2022 trả 4.000.000 đồng; ngày 05/10/2022 trả 5.000.000 đồng; ngày 26/10/2022 trả 5.000.000 đồng; ngày 16/11/2022 trả 4.000.000 đồng), số tiền lãi bà T1 còn phải trả là: 71.980.000 đồng, nhưng hai bên thoả thuận cộng thêm 20.000 đồng thành 72.000.000 đồng để làm tròn số.

Như vậy, tổng số tiền lãi T đã tính và bà T1 phải trả cho các khoản vay lần 4, 5, 6, 7 là 112.120.000 đồng (bao gồm lãi đã trả và lãi chưa trả), mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 12.021.916 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của các lần vay này là 112.120.000 đồng – 12.021.916 đồng = 100.098.084 đồng. Đối với các khoản vay này bà T1 đã trả số tiền lãi là 21.700.000 đồng + 6.720.000 đồng + 3.000.000 đồng = 31.420.000 đồng.

Lần 8: Ngày 06/01/2023, Thuỷ và bà T1 thoả thuận cộng tổng tiền gốc, tiền lãi bà T1 còn nợ của 05 khoản vay gồm các lần 3, lần 4, lần 5, lần 6 và lần 7 là 577.000.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 388.000.000 đồng và tổng tiền lãi chưa trả tính đến ngày 06/01/2023 là 197.460.000 đồng, trừ đi 8.000.000 đồng tiền lãi bà T1 trả tại thời điểm đó và trừ đi số tiền 460.000 đồng hai bên thoả thuận tính thành khoản nợ riêng không tính lãi suất. Thành khoản vay mới với số tiền gốc là 577.000.000 đồng, lãi suất 3.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 127,75%/01 năm, gấp 6,388 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự

Đến ngày 24/03/2024, T tính số tiền lãi bà T1 phải trả tính đến ngày 24/3/2024 là: 450 ngày x 2.019.500 đồng = 908.775.000 đồng nhưng thoả thuận trừ bớt 775.000 đồng còn lại 908.000.000 đồng để làm tròn số.

Khoản vay 577.000.000 đồng này vẫn được T tính lãi suất 3.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày từ ngày 24/3/2024 đến thời điểm bị Cơ quan điều tra phát hiện ngăn chặn là ngày 10/6/2024, cụ thể số tiền lãi bà T1 phải trả là: 78 ngày x 2.019.500 đồng = 157.521.000 đồng.

Như vậy, số tiền gốc T đã cho bà T1 vay trong lần 8 là 577.000.000 đồng, số ngày tính lãi là 528 ngày, số tiền lãi theo mức lãi suất vay cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự là 166.934.794 đồng, số tiền lãi T đã tính và bà T1 phải trả là 908.000.000 + 157.521.000 = 1.065.521.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 1.065.521.000 đồng – 166.934.794 đồng = 898.586.206 đồng. Khoản vay này bà T1 chưa trả gốc và lãi cho T.

Lần 9: Ngày 06/01/2023, vay 30.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 182,5%/01 năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Đến ngày 23/04/2023, Thuỷ và bà T1 thoả thuận tính số tiền lãi phải trả là: 90 ngày x 150.000 đồng/ 1 ngày = 13.500.000 đồng.

Như vậy, số tiền gốc mà T đã cho bà T1 vay trong lần thứ 9 là 30.000.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.479.452 đồng, số tiền lãi T đã tính và bà T1 phải trả là 13.500.000 đồng. Số tiền thu lợi bất

chính là $13.500.000 \text{ đồng} - 1.479.452 \text{ đồng} = 12.020.548 \text{ đồng}$. Khoản vay này bà T1 chưa trả gốc và lãi cho T.

Lần 10: Cùng ngày 23/04/2023, sau khi tính số tiền lãi của khoản vay lần thứ 9 xong thì T và bà T1 thoả thuận cộng số tiền lãi và tiền gốc của khoản vay lần thứ 9 thành khoản vay mới gồm: $(30.000.000 \text{ đồng tiền gốc} + 13.500.000 \text{ đồng tiền lãi} = 43.500.000 \text{ đồng})$, lãi suất thoả thuận là $6.000 \text{ đồng} / 1.000.000 \text{ đồng} / 01 \text{ ngày}$, nhưng khi tính tiền lãi sau này, T chỉ tính với mức lãi suất $5.000 \text{ đồng} / 1.000.000 \text{ đồng} / \text{ngày}$ tương ứng mức lãi suất $182,92\% / 01 \text{ năm}$, gấp 9,146 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, thời điểm bắt đầu tính lãi từ ngày 04/04/2023.

Đến ngày 20/7/2023, Thuỷ tính tiền lãi bà T1 phải trả cho khoản vay này là: $110 \text{ ngày} \times 218.000 \text{ đồng} / 01 \text{ ngày} = 23.980.000 \text{ đồng}$ và thoả thuận cộng thêm số tiền 20.000 đồng để làm tròn thành số tiền 24.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền gốc mà T đã cho bà T1 vay trong lần thứ 10 là 43.500.000 đồng, số ngày tính lãi là 110 ngày, tiền lãi theo mức lãi suất vay cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự là 2.621.917 đồng, tổng số tiền lãi mà T đã tính và bà T1 phải trả cho khoản vay này là 24.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là $24.000.000 \text{ đồng} - 2.621.917 \text{ đồng} = 21.378.083 \text{ đồng}$. Khoản vay này bà T1 chưa trả gốc và lãi cho T.

Lần 11: Cùng ngày 20/7/2023, sau khi tính tiền lãi của khoản vay lần thứ 10 xong, T và bà T1 thoả thuận cộng tiền lãi và tiền gốc của khoản vay lần thứ 10 thành khoản vay mới, (gồm $43.500.000 \text{ đồng tiền gốc} + 24.000.000 \text{ đồng tiền lãi} = 67.500.000 \text{ đồng}$), lãi suất thoả thuận là $5.000 \text{ đồng} / 1.000.000 \text{ đồng} / 01 \text{ ngày}$. Trong quá trình vay thì bà T1 đã trả được 6.000.000 đồng tiền gốc (nhưng không xác định được thời gian trả). Nên T và bà T1 thoả thuận tính khoản vay lần thứ 11 là 61.500.000 đồng, lãi suất là $5.000 \text{ đồng} / 1.000.000 \text{ đồng} / 01 \text{ ngày}$, tương đương mức lãi suất $182,5\% / 01 \text{ năm}$, gấp 9,125 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, thời điểm bắt đầu tính lãi từ ngày 20/7/2023.

Đến ngày 20/01/2024, Thuỷ tính tiền lãi của khoản vay này bà T1 phải trả là: $180 \text{ ngày} \times 307.500 \text{ đồng} / 01 \text{ ngày} = 55.350.000 \text{ đồng}$ và thoả thuận trừ bớt 50.000 đồng để làm tròn số tiền lãi là 55.300.000 đồng.

Như vậy, số tiền gốc mà T đã cho bà T1 vay trong lần thứ 11 là 61.500.000 đồng, số ngày tính lãi là 180 ngày, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.065.753 đồng, tổng số tiền lãi mà T đã tính và bà T1 phải trả là 55.300.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là $55.300.000 \text{ đồng} - 6.065.753 \text{ đồng} = 49.234.247 \text{ đồng}$. Khoản vay này bà T1 chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho T.

Lần 12: Ngày 20/01/2024, sau khi tính số tiền lãi của khoản vay lần thứ 11 thì T và bà T1 thoả thuận cộng số tiền lãi và tiền gốc của khoản vay lần thứ 11 là 116.800.000 đồng và trừ đi số tiền 15.000.000 đồng bà T1 đã trả vào ngày 07/01/2024, còn lại 101.800.000 đồng. T và bà T1 thoả thuận khoản vay lần thứ 12 chỉ tính tiền lãi trên số tiền vay là 100.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận $6.000 \text{ đồng} / 1.000.000 \text{ đồng} / 01 \text{ ngày}$, tương đương mức lãi suất $219\% / 01 \text{ năm}$, gấp 10,95

lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Riêng số tiền 1.800.000 đồng hai bên thỏa thuận không tính lãi suất.

Khoản vay này vẫn được hai bên tiếp tục tính lãi với lãi suất 6.000 đồng /1.000.000 đồng/01 ngày đối với số tiền vay 100.000.000 đồng cho đến thời điểm bị Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện ngăn chặn là ngày 10/06/2024.

Cụ thể từ ngày 20/01/2024 đến ngày 10/6/2024, số tiền lãi bà T1 phải trả là: 142 ngày x 600.000 đồng/01 ngày = 85.200.000 đồng, số tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là: 7.780.822 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 77.419.178 đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 04/10/2021 đến ngày 10/6/2024, Trần Thị Thuỷ đã cho bà Tô Thị T1 vay tiền 12 lần, với tổng số tiền gốc cho vay là 1.302.000.000 đồng, (trong đó số tiền gốc thực tế mà Trần Thị Thuỷ đã bỏ ra để cho bà T1 vay là 272.000.000 đồng, số tiền lãi cộng vào chuyển thành tiền gốc là 1.030.000.000 đồng). Số tiền lãi mà bị cáo đã tính và buộc bà T1 phải trả là 1.618.401.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 238.063.010 đồng. Tổng số tiền bị cáo nhằm thu lợi bất chính là: 1.380.337.987 đồng. Bà T1 đã trả số tiền lãi là 60.880.000 đồng cho bị cáo. chưa trả khoản tiền gốc nào .

2. Người vay thứ hai: Bà Tô Thị L vay của Trần Thị T 08 lần (tính cả lần vay thực tế và lần vay do cộng tiền gốc và tiền lãi chưa trả), cụ thể:

Lần 1: Ngày 18/09/2022 vay 15.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng /1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 146%/01 năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Khoản vay này bà L đã trả tiền lãi từ ngày 18/9/2022 đến ngày 16/11/2022, nhưng không nhớ số tiền đã trả, nên tính theo số ngày vay thực tế thì số tiền lãi bà L đã trả là: 59 ngày x 60.000 đồng/ngày = 3.540.000 đồng.

Đến ngày 19/01/2023, T tính tiền lãi của khoản vay này mà bà L phải trả là: 65 ngày x 60.000 đồng/01 ngày = 3.900.000 đồng.

Như vậy, số tiền gốc mà T đã cho bà L vay lần thứ nhất là 15.000.000 đồng, số ngày tính lãi là 124 ngày, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.019.178 đồng, số tiền lãi mà T đã tính và buộc bà L phải trả là 7.440.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 7.440.000 đồng – 1.019.178 đồng = 6.420.822 đồng. Khoản vay này bà L chưa trả tiền gốc và đã trả được 3.540.000 đồng tiền lãi cho bị cáo.

Lần 2: Ngày 15/10/2022, vay 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng /1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 219%/01 năm, gấp 10,95 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Khoản vay này bà L đã trả lãi từ ngày 15/10/2022 đến ngày 12/11/2022, nhưng không nhớ số tiền, thời gian trả, nên tính theo số ngày vay thực tế thì số tiền lãi bà L đã trả là: 28 ngày x 180.000 đồng/01 ngày = 5.040.000 đồng.

Đến ngày 19/01/2023, T tính tiền lãi của khoản vay này mà bà L phải trả là: $68 \text{ ngày} \times 180.000 \text{ đồng/01 ngày} = 12.240.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền gốc T đã cho bà L vay lần thứ 2 là 30.000.000 đồng, số ngày tính lãi là 96 ngày, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.578.082 đồng, số tiền lãi mà T đã tính và buộc bà L phải trả là 17.280.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là $17.280.000 \text{ đồng} - 1.578.082 \text{ đồng} = 15.701.918 \text{ đồng}$. Khoản vay này bà L chưa trả tiền gốc và trả 5.040.000 đồng tiền lãi cho T.

Lần 3: Ngày 15/11/2022, vay 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 10.000 đồng /1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 365%/01 năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Khoản vay này bà L đã trả lãi từ ngày 15/11/2022 đến ngày 14/12/2022, nhưng không nhớ số tiền, thời gian trả, nên tính theo số ngày vay thực tế thì bà L đã trả số tiền lãi là : $29 \text{ ngày} \times 300.000 \text{ đ/01 ngày} = 8.700.000 \text{ đồng}$.

Đến ngày 19/01/2023, T tính số tiền lãi của khoản vay này mà bà L phải trả là: $37 \text{ ngày} \times 300.000 \text{ đồng/01 ngày} = 11.100.000 \text{ đồng tiền lãi}$.

Như vậy, số tiền gốc T cho bà L vay lần thứ 2 là 30.000.000 đồng, số ngày tính lãi là 66 ngày, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.084.931 đồng, tổng số tiền lãi mà T đã tính toán và buộc bà L phải trả là 19.800.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là $19.800.000 \text{ đồng} - 1.084.931 \text{ đồng} = 18.715.069 \text{ đồng}$. Khoản vay này bà L chưa trả tiền gốc và đã trả 8.700.000 đồng tiền lãi cho T.

Lần 4: Vào ngày 22/11/2022 vay 45.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 10.000 đồng /1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 365%/01 năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Khoản vay này bà L đã trả lãi từ ngày 22/11/2022 đến ngày 20/12/2022, nhưng không nhớ số tiền, thời gian đã trả, nên tính theo số ngày vay thực tế thì số tiền lãi bà L đã trả là: $28 \text{ ngày} \times 450.000 \text{ đồng/1 ngày} = 12.600.000 \text{ đồng}$. Tại thời điểm bà L trả tiền lãi, T cho nợ lại 4.600.000 đồng, nên số tiền lãi mà bà L đã trả cho T là $12.600.000 - 4.600.000 = 8.000.000 \text{ đồng}$.

Đến ngày 19/01/2023, T tính số tiền lãi của khoản vay này mà bà L phải trả tính từ ngày 20/12/2022 đến ngày 19/01/2023 là: $31 \text{ ngày} \times 450.000 \text{ đồng/01 ngày} = 13.950.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền gốc T cho bà L vay lần thứ 4 là 45.000.000 đồng, số ngày tính lãi là 59 ngày, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.454.794 đồng, số tiền lãi mà T đã tính toán và buộc bà L phải trả là 26.550.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là $26.550.000 \text{ đồng} - 1.454.794 \text{ đồng} = 25.095.206 \text{ đồng}$. Khoản vay này bà L chưa trả tiền gốc và đã trả 8.000.000 đồng tiền lãi cho T.

Vào ngày 19/01/2023, T và bà L tính tổng số tiền lãi còn nợ của 04 khoản vay: Lần 1, lần 2, lần 3 và lần 4 mà bà L chưa trả là 45.790.000 đồng, ngoài những lần đã

trả lãi riêng từng khoản vay, bà L còn trả lãi thêm cho T số tiền lãi là 3.700.000 đồng (gồm lần 01 trả 3.400.000 đồng, lần 02 trả 300.000 đồng). Nên T đã trừ đi số tiền lãi mà bà L đã cộng vào tổng số tiền lãi là 45.790.000 đồng - 3.700.000 đồng = 42.090.000 đồng, nhưng thỏa thuận trừ bớt 90.000 đồng để làm tròn thành 42.000.000 đồng tiền lãi còn nợ.

Như vậy, tổng số tiền gốc T cho bà L vay trong các lần 1, 2, 3, 4 là 120.000.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 5.136.985 đồng. Số tiền lãi mà T đã tính và buộc bà L phải trả là 71.070.000 đồng. Số tiền lãi bà L đã trả là 28.980.000 đồng (gồm 25.280.000 đồng + 3.700.000 đồng), số tiền lãi còn nợ lại chưa trả là 42.000.000 đồng (02 bên thỏa thuận làm tròn). Số tiền thu lợi bất chính là 70.980.000 đồng (gồm 42.000.000 đồng + 28.980.000 đồng) - 5.136.985 đồng = 65.843.015 đồng.

Lần 5: Cùng ngày 19/01/2023, sau khi bà L trả 20.000.000 đồng tiền gốc, T đã trừ 20.000.000 tiền gốc và thỏa thuận tính tổng tiền gốc bà L còn nợ của 04 khoản vay lần 1, lần 2, lần 3 và lần 4 thành một khoản vay mới với số tiền vay là 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 8.300 đồng /1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 302,95%/01 năm, gấp 15,148 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự và bà L còn nợ lại số tiền lãi 42.000.000 đồng nhưng không tính lãi suất.

Đến ngày 03/3/2023, T tính số tiền lãi của khoản vay này mà bà L phải trả tính từ ngày 19/01/2023 đến ngày 03/3/2023 là: 44 ngày x 830.000/01 ngày = 36.520.000 đồng và thỏa thuận trừ bớt 20.000 đồng để làm tròn thành số tiền 36.500.000 đồng tiền lãi.

Như vậy, số tiền gốc T đã cho bà L vay trong lần 5 là 100.000.000 đồng, số ngày tính lãi là 44 ngày, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.410.958 đồng, số tiền lãi mà T đã tính và buộc bà L phải trả là 36.520.000 đồng (làm tròn thành 36.500.000 đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 36.500.000 đồng - 2.410.958 đồng = 34.089.042 đồng. Khoản vay này bà L chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho T.

Lần 6: Đến ngày 07/03/2023, T và bà L tính toán khoản nợ của khoản vay lần thứ 5 thành khoản vay mới, với tổng số tiền vay là 178.500.000 đồng (gồm tiền gốc 100.000.000 đồng + 42.000.000 đồng tiền lãi còn nợ của lần vay thứ 4 + 36.500.000 đồng tiền lãi còn nợ của lần vay thứ 5) và trừ đi số tiền 60.000.000 đồng tiền gốc mà bà L đã trả. Tổng số tiền khoản vay mới mà T cho bà L vay là 118.500.000 đồng, nhưng chỉ tính tiền lãi trên số tiền gốc còn nợ là 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 8.300 đồng /1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 302,95%/01 năm, gấp 15,148 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, thời điểm bắt đầu tính lãi từ ngày 03/03/2023.

Đến ngày 20/4/2023, T tính số tiền lãi của khoản vay này bà L phải trả tính từ ngày 03/03/2023 đến ngày 20/04/2023 là: 49 ngày x 332.000/01 ngày = 16.268.000

đồng, trừ đi số tiền 12.268.000 đồng tiền lãi bà L đã trả vào ngày 20/4/2023, bà L còn nợ số tiền lãi là 4.000.000 đồng (nhưng đã được trả vào ngày 19/5/2023).

Đến ngày 18/6/2023, T tính số tiền lãi của khoản vay này bà L phải trả tính từ ngày 20/04/2023 đến ngày 18/6/2023 là: 59 ngày x 332.000 đồng/01 ngày = 19.588.000 đồng. Bà L đã trả cho Thuỷ 04 lần tiền lãi vào các ngày 10/7/2023 trả 3.000.000 đồng, ngày 17/07/2023 trả 5.000.000 đồng, ngày 28/8/2023 trả 3.000.000 đồng và ngày 14/9/2023 trả 2.500.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 13.500.000 đồng. Bà L còn nợ lại 6.088.000 đồng tiền lãi.

Đến ngày 13/11/2023, T tính số tiền lãi của khoản vay này bà L phải trả tính từ ngày 18/6/2023 đến ngày 13/11/2023 là: 150 ngày x 332.000 đồng/01 ngày = 49.800.000 đồng, trừ đi số tiền lãi 8.240.000 đồng bà L đã trả vào các ngày (ngày 11/11/2023 trả 5.000.000 đồng và ngày 13/11/2023 trả 3.240.000 đồng), bà L còn nợ 41.560.000 đồng tiền lãi.

Khoản vay số tiền gốc 40.000.000 đồng vẫn được T tiếp tục tính lãi, với lãi suất 8.300 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, đến thời điểm bị Cơ quan điều tra phát hiện ngăn chặn là ngày 10/06/2024, tính theo số ngày vay thực tế từ ngày 13/11/2023 đến ngày 10/6/2024 thì bà L phải trả là: 210 ngày x 332.000 đồng/01 ngày = 69.720.000 đồng tiền lãi.

Như vậy, số tiền gốc mà Trần Thị T đã cho bà L vay trong lần 6 là 118.500.000 đồng (số ngày tính lãi là 468 ngày, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 10.257.534 đồng), nhưng T chỉ thỏa thuận tính lãi trên số tiền gốc 40.000.000 đồng, tổng số tiền lãi bà L phải trả là 155.376.000 đồng - 44.096.000 đồng tiền lãi đã trả = 111.280.000 đồng là số tiền lãi bà L còn nợ. Số tiền thu lợi bất chính là 155.376.000 đồng - 10.257.534 đồng = 145.118.466 đồng. Khoản vay này bà L chưa trả tiền gốc và đã trả 44.096.000 đồng tiền lãi.

Lần 7: Vào khoảng đầu tháng 06/2022 âm lịch, vay 160.000.000 đồng, lãi suất là 6.000 đồng /1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 219%/01 năm, gấp 10,95 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Đến ngày 10/9/2022, bị cáo T tính tiền lãi của khoản vay này bà L phải trả đến ngày 10/9/2022 là: 72 ngày x 960.000 đồng/01 ngày = 69.120.000 đồng.

Như vậy, số tiền gốc T cho bà L vay trong lần thứ 7 là 160.000.000 đồng, số ngày tính lãi là 72 ngày, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.312.328 đồng, số tiền lãi mà T đã tính và buộc bà L phải trả là 69.120.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là: 69.120.000 đồng - 6.312.328 đồng = 62.807.672 đồng. Bà L chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho T.

Lần 8: Cùng ngày 10/9/2022, T và bà L thỏa thuận cộng tổng tiền gốc, tiền lãi còn nợ của khoản vay thứ 7 thành một khoản vay mới, số tiền 229.120.000 đồng (gồm 160.000.000 đồng tiền gốc và 69.120.000 đồng tiền lãi còn nợ), lãi suất 6.000 đồng /1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương mức lãi suất 218,885%/01 năm, gấp 10,944 mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Đến ngày 06/3/2023, T tính số tiền lãi của khoản vay này mà bà L phải trả tính đến ngày 06/3/2023 là: $180 \text{ ngày} \times 960.000 \text{ đồng/01 ngày} = 247.320.000 \text{ đồng tiền lãi}$, nhưng trừ bớt 120.000 đồng còn nợ lại 247.200.000 đồng tiền lãi.

Khoản vay 229.120.000 đồng, với lãi suất 1.374.000 đồng/01 ngày, T vẫn tính tiền lãi cho đến thời điểm bị Cơ quan điều tra phát hiện ngăn chặn là ngày 10/6/2024, số ngày vay thực tế từ ngày 06/3/2023 đến ngày 10/6/2024 thì số tiền lãi bà L phải trả là: $462 \text{ ngày} \times 1.374.000 \text{ đồng/ngày} = 634.788.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền gốc mà Trần Thị T đã cho bà L vay trong lần 8 là 229.120.000 đồng, số ngày tính lãi là 642 ngày, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 80.600.021 đồng, tổng số tiền lãi mà T đã tính toán và buộc bà L phải trả là 881.988.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 881.988.000 đồng – 80.600.021 đồng = 801.387.979 đồng. Khoản vay này bà L chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho T.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ 06/2022 đến ngày 10/6/2024, T đã cho bà L vay tiền tổng cộng 10 lần, với tổng số tiền gốc của các lần vay là 649.120.000 đồng, (trong đó số tiền gốc thực tế mà Trần Thị T đã cho bà L vay là 280.000.000 đồng, số tiền lãi phát sinh cộng vào thành tiền gốc 369.120.000 đồng), tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 104.717.826 đồng, tiền lãi T đã tính toán và buộc bà L phải trả là 1.213.964.000 đồng - 104.717.826 đồng = 1.109.246.174 đồng. Số tiền nhằm thu lợi bất chính là 1.109.246.174 đồng. Đối với các khoản vay này bà L đã trả cho T 80.000.000 đồng tiền gốc và 73.076.000 đồng tiền lãi.

3. Người vay thứ ba: Bà Nguyễn Thị H đã vay tiền của Trần Thị T 07 lần, với số tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 10/11/2022 vay 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng /1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 182,5%/01 năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Đến ngày 06/01/2023, bị cáo T tính tiền lãi của khoản vay phải trả tính đến ngày 06/01/2023 là: $58 \text{ ngày} \times 50.000 \text{ đồng/01 ngày} = 2.900.000 \text{ đồng}$.

Đến ngày 16/01/2023, T tính tiền lãi của khoản vay này bà H phải trả tính đến ngày 04/02/2023 là: $30 \text{ ngày} \times 50.000 \text{ đồng/ngày} = 1.500.000 \text{ đồng}$.

Đến ngày 16/02/2023, T tính tiền lãi khoản vay phải trả từ ngày 04/2/2023 đến ngày 16/02/2023 là: $12 \text{ ngày} \times 50.000 \text{ đồng/ngày} = 600.000 \text{ đồng}$.

Đến ngày 07/8/2023, T tính tiền lãi bà H phải trả từ ngày 16/02/2023 đến ngày 07/08/2023 là: $175 \text{ ngày} \times 50.000 \text{ đồng/01 ngày} = 8.750.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền gốc T cho bà H vay trong lần thứ nhất là 10.000.000 đồng, số ngày vay là 275 ngày, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.506.849 đồng, Số tiền lãi T tính buộc bà H phải trả là 13.750.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 13.750.000 đồng – 1.506.849 đồng = 12.243.151 đồng. Khoản vay này bà H chưa trả tiền gốc và tiền lãi.

Lần 2: Ngày 06/01/2023, vay 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng /1.000.000 đồng /01 ngày, tương đương mức lãi suất 182,5%/01 năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Đến ngày 16/01/2023, T tính lãi của khoản vay bà H phải trả tính đến ngày 04/02/2023 là: 30 ngày x 100.000 đồng/01 ngày = 3.000.000 đồng.

Đến ngày 16/02/2023, T tính tiền lãi của khoản vay bà H phải trả tính từ ngày 04/02/2023 đến ngày 16/02/2023 là: 12 ngày x 100.000đ/01 ngày = 1.200.000 đồng.

Đến ngày 07/8/2023, T tính tiền lãi bà H phải trả tính từ ngày 16/02/2023 đến ngày 07/8/2023 là 175 ngày x 100.000 đồng/01 ngày = 17.500.000 đồng.

Như vậy, số tiền gốc T cho bà H vay lần thứ 2 là 20.000.000 đồng, số ngày vay tính lãi là 217 ngày, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.378.082 đồng, tổng số tiền lãi mà T đã tính và buộc bà H phải trả là 21.700.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 21.700.000 đồng – 2.378.082 đồng = 19.321.918 đồng. Bà H chưa trả tiền gốc và tiền lãi.

Lần 3: Ngày 12/01/2023 vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận là 5.000 đồng / 1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 182,5%/01 năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Đến ngày 16/01/2023, T tính lãi bà H phải trả tính đến ngày 04/02/ 2023 là: 24 ngày x 50.000 đồng/01 ngày = 1.200.000 đồng.

Đến ngày 16/02/2023, T tính lãi bà H phải trả tính từ ngày 04/02/2023 đến ngày 16/02/2023 là: 12ngày x 50.000đồng/ngày = 600.000đồng.

Đến ngày 07/08/2023, T tính lãi bà H phải trả tính từ ngày 16/02/2023 đến ngày 07/08/2023 là: 175 ngày x 50.000 đồng /01 ngày = 8.750.000 đồng.

Như vậy, số tiền gốc T cho bà H vay lần thứ 3 là 10.000.000 đồng, số ngày tính lãi là 211 ngày, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.156.164 đồng, số tiền lãi mà T tính buộc bà H phải trả là 10.550.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 10.550.000 đồng – 1.156.164 đồng = 9.393.836 đồng. Khoản vay này bà H chưa trả tiền gốc và tiền lãi.

Lần 4: Ngày 16/01/2023, vay 15.000.000 đồng, thỏa thuận là 5.000 đồng/ 1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 182,5%/01 năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Sau khi giao tiền thì bà H đã trả trước số tiền lãi đến ngày 04/02/2023 là: 20 ngày x 75.000 đồng/01 ngày = 1.500.000 đồng.

Đến ngày 16/02/2023, T tính lãi khoản vay bà H phải trả tính từ ngày 04/02/2023 đến ngày 16/02/2023 là: 12ngày x 75.000đ/ngày = 900.000 đ.

Ngày 07/8/2023, T tính lãi khoản vay bà H phải trả tính ngày 16/02/2023 đến ngày 07/8/2023 là: 175 ngày x 75.000 đồng/01 ngày = 13.125.000 đồng.

Như vậy, số tiền gốc T cho bà H vay lần thứ 4 là 15.000.000 đồng, tính lãi là 207 ngày, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.701.369 đồng, số tiền lãi mà T đã tính và buộc bà H phải trả là 15.525.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 15.525.000 đồng – 1.701.369 đồng = 13.823.631 đồng. Khoản vay này bà H chưa trả tiền gốc và tiền lãi.

Ngày 16/02/2023, vay thêm 15.000.000 đồng, T và bà H đã tính số tiền lãi còn nợ tính đến ngày 16/02/2023 là 3.300.000 đồng, nhưng thỏa thuận trừ bớt 300.000 đồng, còn lại số tiền 3.000.000 đồng bà H đã trả hết cho Thủy nhưng không nhớ ngày đã trả.

Đối với các khoản vay lần 1, lần 2, lần 3, lần 4, bà H đã nhiều lần trả tiền lãi cho T, Tổng cộng tính đến ngày 16/02/2023 là 13.100.000 đồng;

Lần 5: Ngày 16/02/2023, vay 25.000.000 đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 182,500%/01 năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Đến ngày 07/8/2023, T tính tiền lãi của khoản vay bà H phải trả từ ngày 16/02/2023 đến ngày 07/8/2023 là: 175 ngày x 75.000 đồng /01 ngày = 21.875.000 đồng tiền lãi.

Như vậy, số tiền gốc T cho bà H vay lần thứ 5 là 25.000.000 đồng, số ngày là 175 ngày, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.397.260 đồng, số tiền lãi mà T đã tính và buộc bà H phải trả là 21.875.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 21.875.000 đồng – 2.397.260 đồng = 19.477.739 đồng. Khoản vay này bà H chưa trả tiền gốc và tiền lãi.

Lần 6: Vào ngày 07/8/2023 (ngày 21/6/2023 âm lịch) T cho bà H vay số tiền 460.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Đối với khoản vay này các bên thỏa thuận không tính lãi. Đến ngày 10/8/2023 (ngày 24/6/2023 âm lịch) bà H trả cho T 423.000.000 đồng và còn nợ lại chuyển 37.000.000 đồng vào tính lãi.

Lần 7: Ngày 08/8/2023, T thỏa thuận với bà H tính tổng số tiền gốc, tiền lãi còn nợ của 05 khoản vay lần 1, lần 2, lần 3, lần 4, lần 5 và khoản tiền gốc còn nợ lại của lần 6, tính đến ngày 07/8/2023, thành một khoản vay mới với tổng số tiền là 187.000.000 đồng (gồm: Số tiền gốc là 80.000.000 đồng, số tiền lãi chuyển vào gốc là 70.000.000 đồng và số tiền gốc 37.000.000 đồng của khoản vay lần 6), lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 182,5%/01 năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Đến ngày 03/02/2024, T tính tiền lãi của khoản vay này bà H phải trả từ ngày 10/8/2023 đến ngày 03/02/2024 là: 180 ngày x 935.000đ/01 ngày = 168.300.000 đồng.

Khoản vay 187.000.000 đồng, T tiếp tục tính lãi với lãi 5.000 đồng/ 1.000.000 đồng /01 ngày, cho đến thời điểm bị Cơ quan điều tra phát hiện ngăn chặn là ngày 10/6/2024, tính theo số ngày thực tế từ ngày 03/02/2024 đến ngày 10/6/2024 thì số tiền lãi là: 128 ngày x 935.000đ/01 ngày = 119.680.000 đồng.

Như vậy, số tiền gốc T cho bà H vay trong lần thứ 7 là 187.000.000 đồng, số ngày tính lãi là 308 ngày, tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 31.559.452 đồng. Số tiền lãi mà T đã tính buộc bà H phải trả là 287.980.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 287.980.000 đồng – 31.559.452 đồng = 256.420.548 đồng. Khoản vay này bà H chưa trả tiền gốc và tiền lãi.

Như vậy, từ ngày 10/11/2022 đến ngày 10/6/2024, Thuỷ đã cho bà H vay tiền 7 lần với lãi suất cao, tổng số tiền gốc cho vay là 267.000.000 đồng, trong đó số tiền thực tế bị cáo T cho bà H vay là 117.000.000 đồng. Số tiền lãi bị cáo thỏa thuận là 371.080.000 đồng. Số tiền lãi với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 40.699.176 đồng. Tổng số tiền nhằm thu lợi bất chính là 330.380.823 đồng. Bà H chưa trả khoản tiền gốc nào và đã trả 13.100.000 đồng tiền lãi cho bị cáo T.

Số tiền 460.000.000 đồng T cho bà H vay để đảo hạn ngân hàng, 03 ngày sau bà H đã trả 423.000.000 đồng tiền gốc và khoản vay này thỏa thuận không tính lãi suất.

Như vậy, từ tháng 10/2021 đến ngày 10/6/2024, Trần Thị T đã cho 03 người là bà Tô Thị T1, bà Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H vay tiền tổng cộng 27 lần, với lãi suất từ 127,75%/năm đến 365%/năm. Gấp 6,388 đến 18,25 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền bị cáo T cho vay là 2.218.120.000 đồng (Số tiền thực tế mà bị cáo T đã bỏ ra cho vay là 669.000.000 đồng tiền lãi nhập gốc để tính lãi là 1.549.120.000 đồng). Tổng số tiền lãi bị cáo T đã tính và buộc 03 người vay phải trả là 3.203.445.000 đồng (Ba tỷ hai trăm lẻ ba triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Số tiền lãi tính với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 383.480.012 đồng (Ba trăm tám mươi ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn không trăm mười hai đồng). Số tiền nhằm thu lợi bất chính (gồm số tiền đã thu và số tiền chưa thu) là 2.819.964.979 đồng (Hai tỷ tám trăm mười chín triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng).

Số tiền lãi mà bị cáo T đã thực tế thu được của bà T1, bà L, bà H là 147.056.000 đồng. Số tiền gốc bà L đã trả cho bị cáo là 80.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2025/HS-ST ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Áp dụng Khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị T phạm tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị T số tiền 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, 01 sim điện thoại mạng Viettel số thuê bao 0986409346 (Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/12/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Lắc và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lắc).

- Tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án để phục vụ quá trình xử lý vụ án:

+ 05 (năm) giấy viết tay và 03 (ba) bản phô tô giấy viết tay liên quan tới các giao dịch vay tiền giữa Trần Thị Thuỷ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác; 02 (hai) bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M812104, mang tên hộ Tiêu Viết Hoàng và BT 489599, mang tên hộ ông Đỗ Đình Sơn và bà Tô Thị T1 do Trần Thị T giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Lắc.

+ 11 (mười một) giấy viết tay và 02 (hai) bản phô tô giấy viết tay liên quan tới các giao dịch vay tiền giữa Tô Thị T1 và Trần Thị Thuỷ do Tô Thị T1 giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Lắc.

+ 11 (mười một) giấy viết tay và 03 (ba) bản phô tô giấy viết tay liên quan tới các giao dịch vay tiền giữa Tô Thị L và Trần Thị Thuỷ do Tô Thị L giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Lắc.

+ 02 (hai) giấy viết tay liên quan tới các giao dịch vay tiền giữa Nguyễn Thị H và Trần Thị Thuỷ do Nguyễn Thị H giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Lắc.

- Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước 1/2 giá trị của ngôi nhà bị cáo T đã sử dụng để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng tương ứng với số tiền 950.666 đồng và trả lại 1/2 giá trị của ngôi nhà trên tương ứng với số tiền 950.666 đồng cho ông Trần Trung Thành tại địa chỉ: Buôn YL, xã ĐL, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

- Truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước các khoản sau:

+ Truy thu của bị cáo Trần Thị T số tiền: 227.056.000 đồng. Trong đó có: 80.000.000 đồng tiền gốc và 147.056.000 đồng tiền lãi mà những người vay đã đóng và thực tế bị cáo đã thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

+ Truy thu của bà Tô Thị T1 số tiền 272.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi hai triệu đồng).

+ Truy thu của bà Tô Thị L số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

+ Truy thu của bà Nguyễn Thị H số tiền 117.000.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo.

* **Kháng cáo:** Ngày 06/3/2025, bà Tô Thị T1, Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H kháng cáo cho rằng: Bản án sơ thẩm chưa làm rõ số tiền gốc, tiền lãi các bà đã trả cho bị cáo T là không chính xác nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại.

* *Tại phiên tòa Luật sư Trần Thị C - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Tô Thị T1, bà Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H có ý kiến tranh luận:*

- Đối với bà Tô Thị T1: Số tiền 278.000.000 đồng (khoản vay lần 3) trong đó 132.000.000 đồng tiền gốc và 146.000.000 đồng tiền lãi. Khoản vay này bà T1 đã trả xong cho bị cáo, nhưng cấp sơ thẩm cho rằng bà T1 chưa trả khoản tiền gốc nào nên

truy thu của bà T1 số tiền 272.000.000 đồng là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính lại khoản tiền gốc và lãi bà Tô Thị T1 đã trả cho bị cáo.

- Đối với bà Tô Thị L: Quá trình điều tra, xét xử tại cấp sơ thẩm không xem xét khoản vay 300.000.000 đồng ngày 11/12/2020 bị cáo T cho bà L vay, trong giấy vay tiền thể hiện lãi suất của khoản vay này là 3%/tháng. Nhưng thực tế khi tính lãi suất bị cáo T tính 3.000 đồng/triệu/ngày đây là khoản vay lãi nặng. Bà L đã trả tiền cho bị cáo nhiều lần đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính lại khoản tiền gốc và lãi bà L đã trả cho bị cáo T đối với khoản vay này.

- Đối với bà Nguyễn Thị H thực tế chỉ vay của bị cáo T 80.000.000 đồng tiền gốc. Riêng khoản tiền vay 460.000.000 đồng bà H vay tiền của bị cáo ngày 22/6/2023 để đáo hạn ngân hàng. Đến ngày 24/6/2023 bà H được Ngân hàng cho vay sau khi được giải ngân bà H đã trả cho bị cáo T số tiền 442.000.000 đồng. Đối với khoản vay này bà H chỉ nợ bị cáo 18.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm xác định khoản vay này bà H chỉ trả 423.000.000 đồng còn lại 37.000.000 đồng, cộng với khoản 80.000.000 đồng = 117.000.000 đồng là không đúng. Số tiền gốc bà H chỉ còn nợ bị cáo là 98.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính lại khoản tiền gốc và lãi bà H đã trả cho bị cáo T.

** Tại phiên tòa Luật sư Trần Cao T4 - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Tô Thị T1, bà Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H có ý kiến tranh luận:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết 01/2021/NQ – HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xem xét tính lại khoản tiền lãi bà Tô Thị T1, bà Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H đã trả lãi vượt quá theo mức lãi suất vay cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự để trả lại cho bà Tô Thị T1, bà Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H.

Bà Tô Thị T1, bà Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H đồng ý với bảo vệ của các luật sư.

Bị cáo Trần Thị T không đồng ý với ý kiến của bà Tô Thị T1, bà Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Tô Thị T1, bà Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H. Bị cáo T cho rằng từ tháng 10/2021 đến tháng 6/2024 số tiền gốc bị cáo cho bà T1, bà L và bà H vay là 669.000.000 đồng, chỉ có bà L trả 80.000.000 đồng tiền gốc, còn bà L và bà H chưa trả đồng gốc nào.

** Quá trình tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Thị T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đảm bảo đúng người, đúng tội.*

Đối với kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Tô Thị T1, Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H cho rằng cấp sơ thẩm chưa làm rõ số lần vay, số tiền gốc, số tiền lãi. Tuy nhiên, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy quá trình điều tra, truy tố và xét xử cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ toàn diện. Tại cấp

phúc thẩm bà Tô Thị T1, Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị T1, bà Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H - Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2025/HS-ST ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lắc về xử lý vật chứng.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ tháng 10/2021 đến tháng 6/2024, bị cáo Trần Thị T đã cho bà Tô Thị T1, bà Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H vay tiền với tổng cộng 27 lần. Tổng số tiền bị cáo đã cho 03 người vay là 2.218.120.000 đồng. Trong đó số tiền thực tế bị cáo bỏ ra cho vay là 669.000.000 đồng; số tiền lãi phát sinh được chuyển vào thành tiền gốc là 1.549.120.000 đồng (lãi suất từ 127,75%/năm đến 365%/năm, gấp 6,39 lần đến 18,25 lần mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự). Tổng số tiền lãi bị cáo T buộc những người vay phải trả là 3.203.445.000 đồng; Tiền lãi suất vay cao nhất tính theo quy định của Bộ luật dân sự là 383.480.012 đồng. Tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính (gồm số tiền đã thu và số tiền chưa thu) là 2.819.964.979 đồng. Số tiền bà Tô Thị T1, bà Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H đã trả cho bị cáo là 147.056.000 đồng tiền lãi. Số tiền gốc bà Tô Thị L đã trả là 80.000.000 đồng. Bà Tô Thị T1 và bà Nguyễn Thị H chưa trả khoản tiền nợ gốc nào. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Thị T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Tô Thị T1, bà Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H thì thấy:

[2.1] Xét kháng cáo của bà Tô Thị T1 cho rằng: Đối với khoản vay 278.000.000 đồng ngày 15/8/2022 (âm lịch) tức là ngày 10/9/2022 (dương lịch), khoản vay này bà T1 đã trả hết cho bị cáo T 278.000.000 đồng.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ giấy tính các khoản vay tiền giữa bà T1 với bị cáo đã xác định số tiền 278.000.000 đồng (vay lần thứ 3) là số tiền gốc bà T1 vay của bị cáo 02 lần cụ thể: Ngày 04/10/2021 vay là 82.000.000 đồng; lần 2 vào ngày 22/12/2021 vay 50.000.000 đồng tính lãi 3.500đồng/triệu/ngày tính lãi phát sinh tính đến ngày 10/9/2022 là 146.000.000 đồng, tổng cộng lãi và gốc tính đến ngày 10/9/2022 là 278.000.000 đồng. Số tiền này được bị cáo và bà T1 thỏa thuận nhập lãi vào

gốc và chuyển thành tiền gốc để tính lãi. Đến ngày 06/01/2023, bị cáo và bà T1 thỏa thuận cộng tiền gốc, lãi của các khoản vay của các lần 3, 4, 5, 6, và 7 thành một khoản vay mới số tiền là 577.000.000 đồng (lần vay thứ 8). Số tiền 278.000.000 đồng (vay lần thứ 3) nằm trong số tiền vay 577.000.000 đồng khoản (vay lần thứ 8). Do vậy, không có căn cứ xác định bà T1 đã trả số tiền 278.000.000 đồng cho bị cáo T. Hơn nữa, bị cáo không thừa nhận việc bà T1 đã trả số tiền 278.000.000 đồng cho bị cáo T.

[2.2] Xét kháng cáo của bà Tô Thị L cho rằng: Đối với khoản vay ngày 11/12/2020 bà Tô Thị L vay của bị cáo T 300.000.000 đồng, bị cáo T tính lãi 3.000 đồng/triệu/01 ngày đây là khoản vay bị cáo T cho bà L vay lãi nặng. Bà L đã trả cho bị cáo T gốc và lãi nhiều lần đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính lại khoản tiền gốc và lãi của khoản vay này.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ thời gian các bên thực hiện cho vay lãi nặng giữa bị cáo và bà L được tính từ ngày 10/9/2022 đến ngày 10/6/2024. Cấp sơ thẩm đã làm rõ và xác định các khoản vay tiền giữa bà L với bị cáo cụ thể số tiền gốc thực tế bà L vay của bị cáo T 10 lần số tiền vay 280.000.000 đồng đã trả 80.000.000 đồng tiền gốc và 73.076.000 đồng tiền lãi. Số tiền gốc bà L chưa trả 200.000.000 đồng.

Khoản vay 300.000.000 đồng ngày 11/12/2020 giữa bà Tô Thị L với bị cáo T không liên quan đến các khoản vay đã nêu trên. Tại cấp sơ thẩm bà L đã cung cấp giấy vay tiền để đưa ra xem xét. Tuy nhiên, đối với khoản vay 300.000.000 đồng này theo giấy vay tiền thể hiện bị cáo T cho bà Tô Thị L vay 300.000.000 đồng vào ngày 11/12/2020, lãi suất của khoản vay này là 3%/tháng. Chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Mặt khác, tại Kết luận giám định số 1595/KL-KTHS ngày 18/10/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận phần chữ ký, chữ viết trong giấy cho vay tiền giữa bà L và bị cáo T không phải chữ ký, chữ viết của bà L. Nên không có căn cứ để xử lý đối với bị cáo T về hành vi cho vay lãi nặng đối với số tiền 300.000.000 đồng cho bà L vay. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Tô Thị L.

[2.3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H cho rằng: Số tiền gốc bà H chỉ còn nợ bị cáo là 98.000.000 đồng không phải là 117.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ xác định số tiền gốc thực tế tổng cộng bà H vay của bị cáo T 540.000.000 đồng (bà H cũng thừa nhận).

Khoản tiền vay 460.000.000 đồng ngày 22/6/2023 bà H vay (khoản vay này không tính lãi) đến ngày 24/6/2023 bà H cho rằng khoản vay này bà H đã trả 442.000.000 đồng cho bị cáo còn nợ lại 18.000.000 đồng.

Bị cáo cho rằng khoản vay 460.000.000 đồng bà H chỉ trả cho bị cáo 423.000.000 đồng, số tiền còn lại 37.000.000 đồng nhập thành khoản vay mới tổng cộng là 117.000.000 đồng để tính lãi cho bà H (Bà H đã ký vào giấy vay tiền này). Số tiền lãi bà H thừa nhận đã trả cho bị cáo 13.100.000 đồng.

Việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Tô Thị T1, bà Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H cho rằng số tiền lãi bà Tô Thị T1, bà Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H

đã trả lãi vượt quá theo mức lãi suất vay cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự. Qua xem xét thì thấy: Bà Tô Thị T1 vay số tiền 272.000.000 đồng quá trình vay chưa trả khoản tiền gốc nào, chỉ trả được 60.880.000 đồng tiền lãi cho bị cáo; bà Tô Thị L vay bị cáo số tiền 280.000.000 đồng, đã trả 80.000.000 đồng tiền gốc và 73.076.000 đồng tiền lãi; bà Nguyễn Thị H vay 117.000.000 đồng chưa trả khoản tiền nợ gốc nào, đã trả lãi cho bị cáo 13.100.000 đồng. Qua tính toán số tiền lãi mà bà T1, bà L và bà H trả cho bị cáo Trần Thị T chưa vượt quá mức lãi suất vay cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự.

Hơn nữa, tại cấp phúc thẩm, bà Tô Thị T1, bà Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H không cung cấp được thêm chứng cứ nào mới.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Tô Thị T1, bà Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H.

[3] Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Tô Thị T1, bà Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H phải chịu án án phí Hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị T1, bà Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H - Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2025/HS-ST ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk về xử lý vật chứng.

[2] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị T1, bà Tô Thị L và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền mà các bà đã nộp đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/4/2025 theo các Biên lai thu số AA/2023/0014849 (bà Tô Thị T1 nộp); AA/2023/0014850 (bà Nguyễn Thị H nộp); AA/2023/0014851 (bà Tô Thị L nộp).

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Lắk;
- VKSND huyện Lắk;
- Công an huyện Lắk;
- Chi cục THADS huyện Lắk;
- Bị cáo và các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết